

Phụ lục.

**THÔNG SỐ, PHẠM VI VÙNG BẢO HỘ VỆ SINH KHU VỰC LẤY NƯỚC SINH HOẠT CỦA CÔNG TRÌNH
KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT THEO GIẤY PHÉP SỐ 72/GP-UBND NGÀY 09/10/2024 CỦA UBND TỈNH**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Số hiệu	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108030', múi chiều 30		Lưu lượng khai thác (m³/ngày đêm)	Tên công trình tiếp giáp với giếng khai thác	Thông tin để xác định hướng đo và khoảng cách từ miệng giếng đến công trình tiếp giáp			Quy định tại Thông tư 03/2024/TT-BTNMT
	Y	X			Khoảng cách (m)	Hướng đo	Phạm vi vùng bảo hộ	
GK01	433861	1424502	55	Hệ thống xử lý nước thải	100	Phía Đông Nam	không nhỏ hơn 20m	Khoản 2 Điều 11
				Kho vôi, Nhà kho dụng cụ, kho cám	50	Phía Đông Nam		
				Kho chứa và xử lý phân	100	Phía Tây Nam		
				Hồ hủy xác	100	Phía Tây Nam		
GK02	433640	1424415	80	Hệ thống xử lý nước thải	90	Phía Đông Nam	không nhỏ hơn 20m	Khoản 2 Điều 11
				Kho vôi, Nhà kho dụng cụ, kho cám	55	Phía Đông Nam		
				Kho chứa và xử lý phân	95	Phía Tây Nam		
				Hồ hủy xác	90	Phía Tây Nam		
GK03	433807	1424399	70	Hệ thống xử lý nước thải	95	Phía Đông Nam	không nhỏ hơn 20m	Khoản 2 Điều 11

				Kho vôi, Nhà kho dụng cụ, kho cám	48	Phía Đông Nam		
				Kho chứa và xử lý phân	93	Phía Tây Nam		
				Hồ hủy xác	89	Phía Tây Nam		
GK04	433861	1424403	60	Hệ thống xử lý nước thải	94	Phía Đông Nam	không nhỏ hơn 20m	Khoản 2 Điều 11
				Kho vôi, Nhà kho dụng cụ, kho cám	54	Phía Đông Nam		
				Kho chứa và xử lý phân	93	Phía Tây Nam		
				Hồ hủy xác	92	Phía Tây Nam		
GK05	433809	1424486	75	Hệ thống xử lý nước thải	91	Phía Đông Nam	không nhỏ hơn 20m	Khoản 2 Điều 11
				Kho vôi, Nhà kho dụng cụ, kho cám	43	Phía Đông Nam		
				Kho chứa và xử lý phân	85	Phía Tây Nam		
				Hồ hủy xác	87	Phía Tây Nam		
GK06	433792	1424554	60	Hệ thống xử lý nước thải	89	Phía Đông Nam	không nhỏ hơn 20m	Khoản 2 Điều 11
				Kho vôi, Nhà kho dụng cụ, kho cám	52	Phía Đông Nam		
				Kho chứa và xử lý phân	88	Phía Tây Nam		
				Hồ hủy xác	89	Phía Tây Nam		